

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 - 10 - 2021.

V/v ly hôn giữa anh M và chị T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Hùng M, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 09, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số nhà 09, đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn anh Đoàn Hùng M trình bày: Anh và chị T sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 4 năm 2018, Anh cùng chị T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên anh M yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị T. Anh và chị T chung sống với nhau có 02 người con chung tên Đoàn Thị Gia H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2018 và Đoàn Gia T, sinh ngày 11/02/2020. Khi ly hôn anh M yêu cầu được nuôi cháu Gia H, yêu cầu chị T nuôi cháu Gia T, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Bích T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Hùng M và chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên anh M có đơn yêu cầu xin được ly hôn với chị T, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, chị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, anh M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Theo chứng cứ do anh M cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện anh M và chị T có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 4 năm 2018. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc anh M và chị T sống ly thân, chị T được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Chị không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc anh M yêu cầu được ly hôn với chị T là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh M và chị T chung sống với nhau có 02 người con chung tên Đoàn Thị Gia H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2018 và Đoàn Gia T, sinh ngày 11/02/2020, khi ly hôn anh M yêu cầu được nuôi cháu Gia H, yêu cầu chị T nuôi cháu Gia T.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Gia H là do anh M nuôi dưỡng, cháu Gia T là do chị T nuôi dưỡng. Nhằm tạo sự ổn định cho các cháu, xét yêu cầu của anh M về việc nuôi cháu Gia H, để chị T nuôi cháu Gia T là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó anh M phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Đoàn Hùng M ly hôn chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Đoàn Thị Gia H, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2018 cho anh Đoàn Hùng M nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Gia T, sinh ngày 11/02/2020 cho chị Nguyễn Thị Bích T nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh M và chị T, nhưng nếu anh M hoặc chị T lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh M hoặc chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh M hoặc chị T.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc anh Đoàn Hùng M nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0000154 ngày 08/4/2021, anh M đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- UBND Phường B, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng